

Bản án: 237/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2025

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

Ông Huỳnh Hoàng Nam

- **Thư ký phiên Tòa:** bà Võ Thị Mỹ Nhan là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thúy An – kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 671/2024/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2024 về việc : “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 127/2025/QĐXXST- HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2025, giữa :

-*Nguyên đơn:* chị Trần Thị M, sinh năm: 1976 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

-*Bị đơn:* Anh Trương Văn T, sinh năm: 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: chị và anh T được gia đình hai bên mai mối nhưng tự nguyện chung sống vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa chị và anh T không có hạnh phúc, anh T sống thiếu trách nhiệm với gia đình chỉ biết ăn chơi rượu chè bê tha nên xét thấy không thể nào tiếp tục chung sống với anh T được nữa nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị M xác định chị và anh T có với nhau 02 người con chung tên: Trương Thị Quyền Tr, sinh ngày 01/01/1996 và Trương Văn N, sinh ngày 12/7/1998. Hiện tại các con đã trưởng thành, chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: chị xác định không có, tuy nhiên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Văn T không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến. Tuy nhiên tại biên bản lấy lời khai tại Toà án, anh T có ý kiến không đồng ý ly hôn với chị M, về con không ý kiến gì, về tài sản chung và nợ chung thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

Phát biểu quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị M và anh Trương Văn T chung sống vợ chồng không có đăng ký kết hôn đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị M và anh Trương Văn T là vợ chồng

Về con chung: chị M và anh T cùng xác định anh chị có hai con chung tên Trương Thị Quyền Tr, sinh ngày 01/01/1996 và Trương Văn N, sinh ngày 12/7/1998. Hiện tại các con đã trưởng thành, chị M không yêu cầu Toà án giải quyết và anh T cũng không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: chị M, anh T không yêu cầu nên đề nghị không giải quyết.

Về án phí: buộc chị M chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự tố tụng: chị Trần Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trương Văn T nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Trương Văn T với tư cách là bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

Anh Trương Văn T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về việc kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét và quyết định hoãn phiên Tòa cho anh T nhưng anh T vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Trương Văn T.

[2]. Về nội dung vụ án :

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị M và anh Trương Văn T chung sống với nhau và được gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn. Mặc dù anh T cho rằng anh và chị M có đăng ký kết hôn và nhưng anh không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn. Mặc khác, phía chị M khẳng định giữa anh chị không có đăng ký kết hôn. Xét thấy, chị M và anh T chung sống vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận. Chị M có yêu cầu ly hôn anh T, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố không công nhận chị Trần Thị M và anh Trương Văn T là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: chị M, anh T cùng xác định vợ chồng có hai con chung tên Trương Thị Quyền Tr, sinh ngày 01/01/1996 và Trương Văn N, sinh ngày 12/7/1998. Hiện tại các con đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: chị M, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị M phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Hoàng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0008806 ngày 09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị M đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Trần Thị M và anh Trương Văn T là vợ chồng.

2. Về con chung: chị M, anh T cùng xác định có hai con chung tên Trương Thị Quyền Tr, sinh ngày 01/01/1996 và Trương Văn N, sinh ngày 12/7/1998. Các con đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm chị Trần Thị M phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Hoàng đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0008806 ngày

09/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng. Chị M đã nộp đủ án phí nên không phải nộp thêm.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày được tính kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh
- VKSND tỉnh, huyện
- Chi cục thi hành án
- Đương sự
- UBND xã
- Lưu HS, VP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Cẩm Hương